

Số: **36** /QĐ-BDT

Ninh Thuận, ngày **22** tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết**  
**Mở rộng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

**TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/02/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Ban Dân tộc;*

*Xét Báo cáo số 2081/BC-STTTT ngày 19/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về kết quả thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết “Mở rộng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận”.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết “Mở rộng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận”, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận.
2. Tổ chức, đơn vị tư vấn lập đề cương và dự toán chi tiết: Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận.

3. Mục tiêu, quy mô:

a) Mục tiêu

- Xây dựng và hình thành kho dữ liệu về công tác dân tộc dùng chung trên toàn tỉnh phục vụ khai thác, xử lý dữ liệu liên thông, chia sẻ dữ liệu nhằm bảo đảm trao đổi giữa các bộ phận các Sở, ban, ngành với Ban Dân tộc, giữa Ban Dân tộc tỉnh với các huyện/thành phố và các thôn/xã trên toàn tỉnh thông qua môi trường mạng.

- Xây dựng bổ sung hệ thống chỉ tiêu báo cáo về công tác dân tộc cho các huyện/thành phố và các thôn/xã. Hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu có thể kết nối liên thông, phục vụ yêu cầu thu thập thông tin phục vụ công tác dân tộc từ tỉnh xuống đến huyện/TP và các thôn/xã trên toàn tỉnh.

b) Quy mô

- Xây dựng bổ sung hệ thống chỉ tiêu báo cáo về công tác dân tộc cho các huyện/thành phố và các thôn/xã: 01 hệ thống.

- Triển khai cài đặt, vận hành sử dụng và bổ sung hệ thống chỉ tiêu báo cáo mới.

- Tổ chức đào tạo hướng dẫn sử dụng, tạo lập dữ liệu, cập nhật dữ liệu cho các chỉ tiêu báo cáo mới cho cán bộ chuyên trách tại các huyện/ thành phố và các thôn/xã: 02 lớp.

4. Tóm tắt giải pháp kỹ thuật, công nghệ và các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu:

- Giải pháp kỹ thuật, công nghệ cần tuân thủ: Sử dụng ngôn ngữ lập trình: ASP.NET, C#, VB.NET; Công cụ lập trình: Visual Studio 2015 hoặc cao hơn; Framework: .NET, 4.6 hoặc cao hơn; Hệ điều hành máy chủ: Windows Server 2018 hoặc cao hơn; Cơ sở dữ liệu: Microsoft SQL server 2018 trở lên; Webserver: Internet Information Services — IIS (Service Pack 7 hoặc cao hơn).

- Tiêu chuẩn kỹ thuật cần tuân thủ: theo quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ thông

tin và Truyền thông về quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

5. Kinh phí:

Tổng cộng: 219.562.148 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười chín triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng*).

Trong đó:

- Chi phí thiết bị: 199.054.945 đồng;
- Chi phí tư vấn: 18.700.000 đồng;
- Chi phí khác có liên quan: 1.807.203 đồng.

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

6. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin (theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

7. Địa điểm thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận.

- Cài đặt, quản trị tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh hoặc có thể đặt trên máy chủ của nơi cung cấp phần mềm để thực hiện.
- Phần mềm được triển khai tại Ban Dân tộc, các Sở, ban ngành với các huyện/thành phố và các thôn/xã trên toàn tỉnh Ninh Thuận.
- Thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm cho các cán bộ chuyên trách của Ban Dân tộc, các Sở, ban ngành và các cán bộ chuyên trách của các huyện, thôn, xã có liên quan đến công tác dân tộc để việc khai thác phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

**Điều 2.** Phòng Kế hoạch-Chính sách chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ban chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả, đúng quy định các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch-Chính sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Tax*

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, KHCS.





## PHỤ LỤC

### Dự toán chi tiết “Mở rộng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-BDT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận)



Đơn vị tính: VNĐ

| TT       | Nội dung                                                    | Giá trị trước thuế | Thuế VAT         | Giá trị sau thuế   | Nguồn kinh phí     | Cách tính                    |
|----------|-------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|--------------------|--------------------|------------------------------|
|          |                                                             |                    |                  |                    | Năm 2022           |                              |
| <b>A</b> | <b>CHI PHÍ TRIỂN KHAI PHẦN MỀM</b>                          | <b>199,054,945</b> | <b>0</b>         | <b>199,054,945</b> | <b>199,054,945</b> |                              |
| 1        | Chi phí phần mềm                                            | 199,054,945        | 0                | 199,054,945        | 199,054,945        | Công văn số 2589/BTTTTƯĐCNTT |
| <b>B</b> | <b>CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>                                      | <b>0</b>           | <b>0</b>         | <b>0</b>           | <b>0</b>           |                              |
| <b>C</b> | <b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>                                       | <b>17,000,000</b>  | <b>1,700,000</b> | <b>18,700,000</b>  | <b>18,700,000</b>  |                              |
| 1        | Chi phí tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu | 5,000,000          | 500,000          | 5,500,000          | 5,500,000          | QĐ số 1688/QĐ-BTTTT          |
| 2        | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu                            | 1,000,000          | 100,000          | 1,100,000          | 1,100,000          | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP   |
| 3        | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu                 | 1,000,000          | 100,000          | 1,100,000          | 1,100,000          | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP   |
| 4        | Chi phí giám sát                                            | 10,000,000         | 1,000,000        | 11,000,000         | 11,000,000         | QĐ số 1688/QĐ-BTTTT          |



|          |                                |                    |                  |                    |                    |                                        |
|----------|--------------------------------|--------------------|------------------|--------------------|--------------------|----------------------------------------|
| <b>D</b> | <b>CHI PHÍ KHÁC</b>            | <b>1,642,912</b>   | <b>164,291</b>   | <b>1,807,203</b>   | <b>1,807,203</b>   |                                        |
| 1        | Chi phí thẩm định giá          | 1,492,912          | 149,291          | 1,642,203          | 1,642,203          | Theo báo giá thị trường<br>(Gtb*0,75%) |
| 2        | Chi phí đăng báo đấu thầu      | 150,000            | 15,000           | 165,000            | 165,000            | Thông tư số 11/2019/TT-<br>BKHDĐT      |
| <b>E</b> | <b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>        | <b>0</b>           | <b>0</b>         | <b>0</b>           | <b>0</b>           |                                        |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>217,697,857</b> | <b>1,864,291</b> | <b>219,562,148</b> | <b>219,562,148</b> |                                        |
|          | <b>TỔNG DỰ TOÁN (làm tròn)</b> |                    |                  | <b>220,000,000</b> | <b>220,000,000</b> |                                        |